

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỮU LŨNG
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 26 - 01 - 2021

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Hải Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Tuấn.

Ông Đặng Hải Quân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Duy Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2020, về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phùng Thị C, sinh năm 1991. Hộ khẩu thường trú: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; chỗ ở: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Nông A, sinh năm 1985. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phùng Thị C trình bày:

Chị Phùng Thị C và anh Nông A đăng ký kết hôn ngày 16/11/2011, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Sau khi kết hôn cuộc sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06, 07 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, ban đầu chỉ là những mâu thuẫn nhỏ. Đầu năm 2019 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt hơn, do anh A hay uống rượu, không giúp gì cho vợ con, mỗi khi chị C góp

ý thì chửi mắng đuổi ra khỏi nhà. Ngày 06/01/2019 (âm lịch) chị C viết đơn ly hôn, anh A đồng ý ký nhưng do được anh em hai bên gia đình động viên nên chị C không nộp đơn đến Tòa án. Tuy nhiên, cuộc sống vợ chồng vẫn không được cải thiện, thường xuyên cãi chửi, xúc phạm nhau. Khoảng tháng 10 năm 2019, sau khi uống rượu anh A dọa giết, chị C phải chạy trốn và tối hôm đó không dám về nhà ngủ. Đến tháng 5/2020, anh A lại đuổi chị C ra khỏi nhà, chị phải về bên ngoại ở và hai vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Từ khi ly thân hai vợ chồng không ai quan tâm đến ai, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, xác định tình cảm vợ chồng không còn chị C yêu cầu được ly hôn với anh A.

Về con chung: Có 02 người con chung, hiện nay hai cháu đang ở với bố. Tại đơn khởi kiện và phiên hòa giải chị C yêu cầu được nuôi dưỡng người con lớn, anh A nuôi dưỡng người con nhỏ và không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa chị C trình bày nếu anh A yêu cầu được nuôi cả 02 người con và yêu cầu chị C cấp dưỡng với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/người, tính từ tháng 01/2021, thì chị C cũng đồng ý.

Về tài sản chung, nợ chung không có.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nông A trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn chị C trình bày là đúng. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Anh A được đả vợ một lần và đuổi vợ ra khỏi nhà hai lần. Từ tháng 5/2020, hai vợ chồng ly thân đến nay, từ khi ly thân anh A có gọi điện động viên vợ về đoàn tụ nhưng chị C kiên quyết không về. Nhưng mâu thuẫn trên chỉ là nhỏ nhặt chưa đến mức phải ly hôn, anh A mong muốn hai vợ chồng được đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị C kiên quyết yêu cầu được ly hôn, do đó xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên anh A cũng đồng ý ly hôn với chị C. Về con chung chị C trình bày là đúng. Sau ly hôn anh A yêu cầu được nuôi cả 02 người con và yêu cầu chị C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000 đồng/tháng/người (tức 2.000.000 đồng/tháng cho 02 người con), cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021. Về tài sản chung, nợ chung không có.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký, các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Về hôn nhân cho chị C được ly hôn với anh A. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao 02 người con cho anh A nuôi dưỡng, chị C cấp dưỡng cho con đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 1.000.000/tháng/người, tính từ tháng 01/2021. Về tài sản chung không có nên không xem xét. Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Phùng Thị C và anh Nông A, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đăng ký kết hôn ngày 16/11/2011, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Phùng Thị C và anh Nông A là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình hôn nhân cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, từ tháng 5/2020 hai vợ chồng ly thân không còn quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, người nào chỉ biết bốn phần của người đó. Mâu thuẫn vợ chồng ở trên phù hợp với biên bản xác minh ngày 24/12/2020 của Tòa án. Tại phiên tòa anh A cũng xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được và đồng ý ly hôn. Do đó, mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống chị Phùng Thị C và anh Nông A có 02 người con chung. Tại phiên tòa các đương sự tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, chị Phùng Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con để nộp ngân sách Nhà nước.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị C được ly hôn với anh Nông A.

2. Về con chung: Chị Phùng Thị C và anh Nông A có 02 người con chung, con lớn cháu Nông K sinh ngày 21/02/2012; con nhỏ cháu Nông B sinh ngày 10/7/2014.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Sau khi ly hôn anh Nông A được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng 02 người con chung đến khi đủ 18 tuổi. Chị Phùng Thị C có nghĩa vụ cấp dưỡng cho 02 người con đến khi đủ 18 tuổi, với số tiền 1.000.000/tháng/người (một triệu đồng/tháng/người), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2021.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị C phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận chị Phùng Thị C đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001971 ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn. Chị Phùng Thị C còn phải nộp tiếp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phùng Thị C và anh Nông A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hữu Lũng;
- Chi cục THADS huyện Hữu Lũng;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Hải Đoàn